

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Hà Giang;

Sau khi xem xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (bổ sung đợt 2) năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 10/BC-KTNS ngày 20 tháng 4 năm 2017, của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng (*chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Nghị quyết này*).

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng (*chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Nghị quyết này*).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII - Kỳ họp thứ Tư thông qua. / *seeo*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy; HỘND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HỘND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr.HỘND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HỘND; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. *seeo*

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC 1

Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (bổ sung) năm 2017

(Kèm theo Nghị quyết số: 75/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m ²)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m ²)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m ²)	Diện tích đất rừng PH (m ²)	Diện tích đất khác (m ²)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
	<i>Toàn tỉnh</i>		2.504.816	58.946	2.400	15.000	2.428.470	76.806	18.580	8.070	50.156
I	TP. HÀ GIANG		42.810	2.650	-	-	40.160	1.000	-	-	1.000
1	Thủy điện sông Miện 6	P. Quang Trung, xã Ngọc Đường, TP. Hà Giang và xã Thuận Hòa huyện Vị Xuyên. (Bổ sung địa điểm thực hiện xã Ngọc Đường - TP. Hà Giang và xã Thuận Hòa huyện Vị Xuyên cho cả diện tích đã được thông qua tại Nghị quyết số 208/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh)	42.810	2.650			40.160	1.000			1.000
II	H. MÈO VẠC		19.900	-	-	-	19.900	3.220	-	3.220	-
1	Mở rộng chợ xã Niêm Sơn	xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	1.000				1.000	270		270	



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
2	Cấp điện thôn Nà Khuông 2	xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	300				300	50		50	
3	Mở rộng Chợ bò	thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	2.000				2.000	500		500	
4	Mở mới tuyến đường từ ngã ba nhà ông Chứ De nối vào đường tỉnh lộ 176	thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	3.000				3.000	900		900	
5	Chợ Khâu Vai mới và bãi đỗ xe	xã Khâu Vai, huyện Mèo Vạc	13.600,0				13.600,0	1.500		1.500	
III	H. ĐỒNG VĂN		25.000	-	-	15.000	10.000	500	-	-	500
1	Dự án nâng cấp, cải tạo xử lý bãi rác thải	thị trấn Phó Bảng, huyện Đồng Văn	25.000			15.000	10.000	500			500
IV	H. YÊN MINH		55.764	4.764	-	-	51.000	1.500	-	1.500	-

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
1	Nâng cấp mở mới đường từ Lao Và Chải đi xã Ngam La	xã Lao Và Chải; xã Ngam La, huyện Yên Minh	51.000				51.000	1.000		1.000	
2	Nâng cấp cải tạo tuyến đường vào ngõ 18, tổ 1.	thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh	4.764,0	4.764				500		500	
V	H. BẮC MÊ		54.700	1.000	2.400	-	51.300	1.509	1.509	-	-
1	Xây dựng Trường mầm non	xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê	3.600	500			3.100	209	209		
2	Thu hồi đất bổ sung nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải	thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê (gồm các hạng mục Lò, chôn lấp rác, đường)	8.200	500			7.700	600	600		



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
3	Xây dựng tuyến đường số 3 từ trung tâm thị trấn Yên Phú đi Hạ Sơn I, Hạ Sơn II	thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê	40.500	-			40.500	500	500		
4	Thu hồi bỏ sung dự án xây mới cầu treo qua sông Gâm đến xã Thượng Tân	xã Minh Ngọc - xã Thượng Tân, huyện Bắc Mê	2.400		2.400			200	200		
VI	H. VỊ XUYÊN		1.892.400	17.600	-	-	1.874.800	44.686	14.871	-	29.815
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu tái định cư (giai đoạn 2) khu Công nghiệp Bình Vàng	xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	233.100				233.100	7.721	7.721		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
2	Đường Thượng Sơn đi Túng Sán	xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên và xã Túng Sán, huyện Hoàng Su	185000				185000	2850	2850		
3	Đường Thượng Sơn đi Cao Bồ	xã Thượng Sơn và xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	480000				480000	3100	3100		
4	CQT TBA Bản Vai, xã Linh Hồ; CQT TBA Minh Phong xã Thuận Hòa, huyện Vị Xuyên	xã Linh Hồ và xã Thuận Hòa, huyện Vị Xuyên	150				150	25			25
5	CQT TBA UBND xã Thượng Sơn	xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên	80				80	20			20
6	CQT TBA km 19 thôn Lèn 2	xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	70				70	20			20
7	Nâng cấp cải tạo bãi xử lý rác thải	thị trấn Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	45000				45000	1.200	1.200		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
8	Công ty Cổ phần Tân Phát 668 (<i>nhu cầu sử dụng đất tại thôn Nậm</i>)	xã Thanh Đức, huyện Vị Xuyên	26.000				26.000	750			750
9	Thủy điện Sông Lô 4	xã Trung Thành, xã Việt Lâm, thị trấn Việt Lâm, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên và xã Tân Thành, huyện Bắc Quang	700000	11000			689000	20000			20000
10	Dự án xây dựng vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc và lâm sản ngoài gỗ	xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên	140000				140000	4000			4000

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
11	Khu phụ trợ Nhật Việt liên doanh với Bệnh viện phục hồi chức năng	xã Việt Lâm, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên	83000	6600			76400	5000			5000
VII	H. QUANG BÌNH		42.000	11.900	-	-	30.100	2.700	400	2.300	-
1	San ủi mặt bằng trường mầm non Sao Mai	thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình	10.000	900			9.100	1000		1.000	
2	San ủi mặt bằng khu dân cư	xã Tiên Yên, huyện Quang Bình	11.300	11.000			300	1.000		1.000	
3	Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải	xã Xuân Giang, huyện Quang Bình,	19.000				19.000	400	400		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích thu hồi (m2)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn		
				Diện tích đất trồng lúa (m2)	Diện tích đất rừng đặc dụng (m2)	Diện tích đất rừng PH (m2)	Diện tích đất khác (m2)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)
4	San ủi mặt bằng khu dân cư bóm đường Nguyễn Huệ (bổ sung)	thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình	1.700				1.700	300		300	
VIII	H.XÍN MẢN		268.302	18.532	-	-	249.770	12.576	600	1.050	10.926
1	Bãi rác thải (Hạng mục: San ủi mặt bằng, kê chắn rác, xây lò đốt rác và nâng cấp đường vào bãi rác)	xã Khuôn Lùng, huyện Xín Mản	1.500				1.500	500		500	
2	Trung tâm giống thức ăn gia súc (Chăn nuôi trâu bò giống, vỗ béo trâu bò)	xã Xín Mản, huyện Xín Mản	100.000				100.000	550		550	

